

SỞ TÀI CHÍNH

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Đính kèm công văn số 7430/STC-NSNN ngày 28/11/2023 của Sở Tài chính Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2024		
		Tổng	Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH
	Tổng số (A+B+C)	15.023.119	11.542.019	3.481.100
A	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	12.664.119	9.183.019	3.481.100
I	Vốn ngân sách tập trung	4.533.405	2.726.105	1.807.300
1	Ngân sách tỉnh	2.726.105	2.726.105	
a	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chi tiêu	2.611.105	2.611.105	
b	Kết dư năm 2021-2022	15.000	15.000	
c	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa	100.000	100.000	
2	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	1.807.300		1.807.300
a	Phân cấp cho UBND cấp huyện giao chi tiêu	1.807.300		1.807.300
II	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.640.816	4.736.016	904.800
1	Hình thành nguồn vốn đầu tư từ nguồn khai thác quỹ đất (ngoài kế hoạch TW thông báo)	2.040.816	2.040.816	
a	Phân bổ chi tiết	1.987.302	1.987.302	
b	Dự phòng ngân sách tỉnh theo Luật Ngân sách (2% cho tổng các nguồn kết dư, thu vượt, khai thác quỹ đất)	53.514	53.514	
3	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	904.800		904.800
4	Hình thành nguồn thu tại ngân sách tỉnh	2.092.000	2.092.000	
5	Nguồn thu tiền sử dụng đất nộp quỹ theo NQ của HĐND tỉnh	603.200	603.200	
III	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.489.898	1.720.898	769.000
1	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chi tiêu	1.001.000	1.001.000	
2	Nguồn xổ số kiến thiết thu vượt năm 2022	454.440	454.440	
3	Kết dư năm 2021- 2022	165.458	165.458	
4	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện (chi tiết theo PL VI)	692.000		692.000
5	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	77.000		77.000
6	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa	100.000	100.000	
B	Vốn ngân sách Trung ương	2.359.000	2.359.000	
I	Vốn trong nước (đầu tư theo ngành, lĩnh vực)	2.359.000	2.359.000	
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	2.359.000	2.359.000	
a	Đầu tư dự án quan trọng quốc gia	2.109.000	2.109.000	
b	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	5.000	5.000	
c	Hỗ trợ có mục tiêu	245.000	245.000	